STT	Tên đường phố, địa danh	Đoạn đường		Giá đất ở				Giá đất thương mại dịch vụ				Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4
1314	Đường trục chính các thôn còn lại	Đầu đường	Cuối đường	2.800	2.200	1.100	900	840	810	780	750	800	760	740	720
90	**XÃ YÊN KIỀU**														
	Khu vực 1														
1315	Đường 395	Cổng Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp Minh Phương	Qua Ngã ba rẽ vào UBND xã Yên Kiều 50,0m	27.000	10.800	6.500	4.900	8.100	3.240	1.950	1.470	6.750	2.700	1.625	1.225
1316	Đường 395	Ông Kèng thôn Thượng Bì	Cổng làng thôn Vân Am	12.000	5.200	3.200	2.400	3.600	1.560	960	750	3.000	1.300	800	720
1317	Đường 395	Đoạn còn lại		10.500	4.500	2.800	2.100	3.150	1.350	840	750	2.625	1.125	750	720
1318	Đường tỉnh 393	Đầu đường	Cuối đường	9.000	3.600	2.400	1.800	2.700	1.080	780	750	2.250	900	750	720
	Khu vực 2														
1319	Đường trục xã	Xã Thống Nhất cũ	Xã Trùng Khánh cũ (giao với Đường 395)	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
1320	Đường trục xã	Điểm giao với đường 395	Cầu phao ô Xuyên	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
1321	Đường trục xã còn lại	Đầu đường	Cuối đường	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
	Khu vực 3														
1322	Đường trục chính các thôn: Thượng Bì 1; Thượng Bì 2; Vân Am; Quỳnh Huê; Trung; Anh; Bùi Thượng; Khăn	Đầu đường	Cuối đường	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
1323	Đường trục chính các thôn: Bủa; thôn Gạch; Lương Xá; Hạ Bì; Chuối; Vô Lượng; Trịnh Thanh Vân; Khay; Hoàng Kim	Đầu đường	Cuối đường	3.800	2.500	1.300	1.100	1.140	810	780	750	950	800	750	720
1324	Đường trục chính các thôn: Phương Xá; Khuông Phụ; Bá Đại; Hưng Long; Ty; Bùi Hạ; Lại; Già; Dôi Hồng	Đầu đường	Cuối đường	2.800	2.200	1.100	900	840	810	780	750	800	760	740	720
91	**XÃ GIA PHÚC**														
	Khu vực 1														
1325	Đường quốc lộ 37	Cầu Thống Nhất	Cống Xá	19.800	8.300	4.400	3.300	5.940	2.490	1.320	990	4.950	2.075	1.100	825
1326	Đường quốc lộ 38B	Nút giao đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	Cầu Tràng Thưa	10.400	4.800	3.200	2.400	3.120	1.440	960	750	2.600	1.200	800	720
1327	Đất ven trục đường Bắc Nam	Nút giao QL 38 B	Cầu Hồng Đức	8.000	4.000	3.200	2.400	2.400	1.200	960	750	2.000	1.000	800	720
1328	Khu dân cư trạm bơm thôn Đươi	Trọn khu		7.200				2.160				1.800			
1329	Điểm dân cư mới (vị trí UBND xã Đoàn Thượng cũ)	Trọn khu		7.200				2.160				1.800			
	Khu vực 2														
1330	Đường trục xã	Đầu đường	Cuối đường	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720
	Khu vực 3														
1331	Đường trục chính các thôn: Phương Khê, Thị Xá, Cát Hậu, Cát Tiền, Phương Bằng, Phong Lâm, Văn Lâm, Trúc Lâm, Bái Thượng, Phạm Trung, Bái Hạ, Đình Đào, Thung Độ, Đươi, Lúa	Đầu đường	Cuối đường	7.200	3.800	2.000	1.600	2.160	1.140	780	750	1.800	950	750	720